TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 07-9-2018

V/v tranh chấp "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Truyện.

2. Bà Lâm Thị Kim Xuyến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Lệ – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường.

Ngày 07 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 59/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2018 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2018/QĐXX-ST ngày 22 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Đường L, khu phố 3, phường 1, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Bị đơn: Bà Lê Thị Tuyết L (tên thường gọi là D), sinh năm 1971.

Hộ khẩu thường trú: Đường L, khu phố 3, phường 1, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Chỗ ở hiện nay: Quốc lộ 62, khu phố 3, phường 3, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 08 tháng 5 năm 2018 và bản tự khai ngày 08 tháng 5 năm 2018 – Ông Nguyễn Văn H trình bày: Vào năm 1990, ông và bà L

yêu thương nhau và Đ sự đồng ý của hai bên gia đình nên có tổ chức lễ cưới. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2002, ông bà đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện M (nay là thị xã Kiến Tường), tỉnh Long An. Ông bà tự nguyện kết hôn, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, thì ông bà ra sống riêng tại khu phố 9, thị trấn M, huyện M (nay là thị xã Kiến Tường), tỉnh Long An. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông bà thường xuyên cãi nhau. Từ tháng 4 năm 2017, trong lúc vợ chồng cự cãi với nhau thì ông H có dùng điện thoại chọi bà L nhưng không trúng bà L. Sau đó, bà L dọn ra thuê nhà trọ ở riêng. Từ tháng 4 năm 2017 đến nay, ông H và bà L đã sống ly thân, ông H vẫn sống tại nhà riêng của vợ chồng, còn bà L đi thuê nhà trọ tại nhà trọ Đ, Quốc lộ 62, khu phố 3, phường 3, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An sinh sống cho đến nay. Kể từ đó, ông và bà L không còn sống chung với nhau, không ai quan tâm đến ai, tự làm tự sống, bỏ mặc cho nhau muốn sống ra sao thì sống. Nay ông H xác định tình nghĩa vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên xin ly hôn với bà L, trả lại tự do cho nhau. Về con chung, ông H xác định vợ chồng chung sống có 02 người con chung tên Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1991, giới tính nam và Nguyễn Thị Kim V, sinh năm 1997, giới tính nữ. Cháu Đ và cháu V đã trưởng thành, có khả năng lao động có thể tự làm tự sống. Ông H xác định, ông H với bà L có tài sản chung gồm 04 lô đất và 01 dãy nhà trọ. Tuy nhiên, ông H không làm đơn khởi kiện chia tài sản chung vì ông H không có yêu cầu. Do đó, về tài sản chung, ông Hvà bà L tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, trong thời kỳ hôn nhân, ông H xác định và cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 30 tháng 6 năm 2018, bản tự khai bổ sung ngày 04 tháng 7 năm 2018 và các biên bản hòa giải của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường - Bị đơn bà Lê Thị Tuyết L trình bày: Bà L xác định lời trình bày của ông Hlà hoàn toàn đúng về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Trong quá trình chung sống, mỗi khi vợ chồng xảy ra cự cãi thì ông H thường xuyên đánh đập bà L. Vợ chồng không còn điều kiện, khả năng hàn gắn để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình vì tình nghĩa vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên bà L đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông H trả lại tự do cho nhau. Tuy nhiên, hiện nay bà L không đồng ý ly hôn với ông H vì ông H không đồng ý chia tài sản chung cho bà L. Khi nào ông H chia tài sản chung cho bà L thì bà L mới đồng ý ly hôn. Về con chung, bà L xác định vợ chồng chung sống có 02 người con chung tên Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1991, giới tính nam và Nguyễn Thị Kim V, sinh năm 1997, giới tính nữ. Cháu Đ và cháu V đã trưởng thành, có khả năng lao

động có thể tự làm tự sống. Về tài sản chung, bà L và ông H tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết bởi vì bà L không biết chữ, không có tiền để làm đơn khởi kiện, đóng tạm ứng án phí chia tài sản chung nên bà L xác định không làm đơn khởi kiện chia tài sản chung. Về nợ chung, trong thời kỳ hôn nhân, bà L xác định và cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Khi nhận được hồ sơ khởi kiện của ông H, Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường tiến hành thụ lý giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường đã ra thông báo về việc thụ lý vụ án; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định pháp luật. Ngày 02 tháng 7 năm 2018, ông H và bà L thống nhất thỏa thuận thuận tình ly hôn và thống nhất thỏa thuận giải quyết Đ về con chung, tài sản chung, nợ chung, án phí nên cuộc hòa giải đoàn tụ không thành. Tuy nhiên, đến ngày 04 tháng 7 năm 2018, bà L có bản tự khai không đồng ý ly hôn với ông H với lý do ông H không giữ lời chia tài sản chung cho bà L.

Tại phiên tòa, ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Về quan hệ hôn nhân, ông H xin được ly hôn với bà L; về con chung ông Htrình bày 02 con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động, có thể tự làm tự sống, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung, ông H và bà L tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung, ông H xác định và cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà L không đồng ý ly hôn với ông Hvì ông H không chia tài sản chung cho bà L theo lời ông H đã nói với bà L trước đó. Tuy nhiên, bà L cũng xác định không làm đơn khởi kiện chia tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án Đ thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, bị đơn là bà L có chỗ ở hiện nay tại khu phố 3, phường 3, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa, ông Hcó yêu cầu tha thiết xin được ly hôn với bà L, còn bà L không đồng ý ly hôn nhưng cũng không yêu cầu được đoàn tụ. Bà L không đồng ý ly hôn với ông Hvì ông H không đồng ý chia tài sản chung cho bà L. Xét thấy, từ tháng 4 năm 2017 đến nay, ông Hvà bà L đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, tự làm tự sống, bỏ mặc cho nhau muốn sống ra sao thì sống. Do đó, tình trạng hôn nhân giữa ông H và bà L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của

ông H, xử cho ông H được ly hôn với bà L là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Ông Hvà bà L trình bày hiện nay 02 con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động, có thể tự làm tự sống, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Ông Hvà bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Ông H và bà L xác định và cam kết trong thời kỳ hôn nhân không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Áp dụng các Điều 3, 6, 24, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc ông H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 177, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 3, 6, 24, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Nguyễn Văn H, xử cho ông Nguyễn Văn H được ly hôn với bà Lê Thị Tuyết L.

2. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước, nhưng Đ trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0006768 ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường. Ông Nguyễn Văn H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Án xử công khai sơ thẩm có mặt đương sự, báo cho biết Đ quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định Đ thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật

Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Long An;*
- *VKSND thị xã Kiến Tường;*
- *Chi cục THADS thị xã Kiến Tường;*
- *Đương sự;*
- *UBND phường 1;*
- *Lưu án văn;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Kim Diệu